

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Để chuẩn bị cho kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá XVIII, UBND tỉnh báo cáo, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình (thay thế Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và Nghị quyết số 56/219/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh).

Qua quá trình thực hiện, tại một số đơn vị địa phương gặp phải một số khó khăn, bất cập giữa quy định và thực tế phát sinh. Bên cạnh đó, một số văn bản mới của Trung ương ra đời (Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp...) theo đó điều chỉnh về phân cấp quyền quản lý tài sản công, phân loại các đối tượng và một số nội dung thay đổi so với các quy định hiện hành.

Vì vậy, để việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh đúng quy định, thuận lợi, hiệu quả, việc ban hành Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình (thay thế Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND



ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh) là cần thiết, đúng thẩm quyền, đảm bảo cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn trong thời điểm hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Việc quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình nhằm thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, huy động, khai thác, sử dụng, tiết kiệm có hiệu quả nguồn lực từ tài sản công để phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể hóa mục tiêu “Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến tới trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN” (Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế).

Các nội dung trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình nhằm bảo đảm tất cả các loại tài sản công đều được quản lý chặt chẽ, hiệu quả bằng pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan; ngăn chặn, đẩy lùi thất thoát, lãng phí, tham nhũng, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổng hợp, tiếp thu hoàn chỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 điều, trong đó:

- Điều 1: Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình
- Điều 2: Tổ chức thực hiện
- Điều 3: Hiệu lực thi hành

ulu

2. Một số nội dung cần làm rõ tại Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết cơ bản kế thừa những nội dung đã quy định tại Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và Nghị quyết số 56/219/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh. Ngoài ra sửa đổi, bổ sung những nội dung tại quy định ban hành kèm theo Nghị quyết cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 2. Giải thích từ ngữ

Căn cứ quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để có cơ sở quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị bổ sung vào Điều 2 Giải thích từ ngữ các khái niệm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.
- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.
- Đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.
- Hội.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 3. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Bổ sung nội dung: “Tài sản công bao gồm Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân” vì đã được quy định phân cấp thẩm quyền tại Điều 31, Điều 32 dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính quy định: “*Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này áp dụng quy định như mua sắm tài sản công.*”

Vì vậy, để phù hợp Thông tư số 68/2022/TT-BTC, đề nghị sửa đổi như sau: “*Tài sản khác (bao gồm hàng hóa, dịch vụ) theo quy định của pháp luật*”.

- Bãi bỏ khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 56/219/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh.

c) Sửa đổi bổ sung Điều 5, Điều 6 (thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản công tại cơ quan nhà nước)

Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND chỉ quy định phân cấp thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản đối với nguồn kinh phí trong dự toán phân bổ đầu năm và dự toán chưa phân bổ mà chưa quy định phân cấp đối với các nguồn kinh phí có phát sinh tại đơn vị như nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn khác... gây lúng túng trong quá trình áp dụng. Vì vậy, đề nghị phân cấp thẩm quyền mua sắm, thuê tài sản công tại cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội (Điều 5, Điều 6) không phân biệt nguồn kinh phí để áp dụng chung cho các nguồn kinh phí có phát sinh tại đơn vị.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 7 (thẩm quyền thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước)

Tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi nhà, đất trừ việc thu hồi nhà, đất thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và nhà, đất tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam*”.

Theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam: “*Cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện*”

Theo đó, HĐND tỉnh không phân cấp thẩm quyền thu hồi nhà, đất của cơ quan Nhà nước, chỉ phân cấp thẩm quyền thu hồi nhà, đất của Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện. Vì vậy, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công đối với nội dung này.

e) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (thẩm quyền điều chuyển tài sản công tại cơ quan nhà nước)

Phân cấp rõ hơn đối với điều chuyển nhà làm việc và tài sản gắn liền với đất; tài sản khác, tương tự thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

g) Sửa đổi, bổ sung Điều 9 (thẩm quyền bán tài sản công tại cơ quan nhà nước) và bãi bỏ Điều 30 (phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công tại doanh nghiệp)

Tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công quy định “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý*”. Theo đó, HĐND tỉnh không phân cấp thẩm quyền bán tài sản công là nhà, đất (trụ sở làm việc) của cơ quan nhà nước. Vì vậy, dự thảo Nghị quyết xây dựng lại theo hướng bỏ nội dung này. Đồng thời bãi bỏ Điều 30 (phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công tại doanh nghiệp).

h) Sửa đổi bổ sung toàn bộ Mục 2 (phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập)

Ngày 07/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó tại Khoản 4 Điều 2 quy định: *Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của*

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), gồm: a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết phân cấp lại thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, bán, điều chuyển, thanh lý, thu hồi, tiêu hủy, mất, hủy hoại tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo phù hợp với quy định mới.

i) Sửa đổi, bổ sung Điều 22 (thẩm quyền quản lý tài sản công tại các hội đặc thù mà người đứng đầu không thuộc biên chế được cấp có thẩm quyền giao) đảm bảo phù hợp, tương đồng với các loại hình tổ chức, đơn vị khác về phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *th*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày

26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12

năm 2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình hết hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục KT văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm cả cơ quan Mặt trận).

d) Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

đ) Dự án có sử dụng vốn Nhà nước.

e) Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy (sau đây gọi tắt là Văn phòng huyện ủy) là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

g) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Trụ sở làm việc* là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, doanh nghiệp.

2. *Cơ sở hoạt động sự nghiệp* là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. *Dự án sử dụng vốn nhà nước* là các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài,

vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh.

4. *Cơ quan cấp tỉnh* bao gồm: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

5. *Cơ quan trực thuộc cấp tỉnh* bao gồm các chi cục, ban trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh

6. *Cơ quan cấp huyện* bao gồm: Văn phòng huyện ủy; các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội ở cấp huyện.

7. *Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh* gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là sở); Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. *Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh* gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi chung là sở); Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

9. *Đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện* gồm: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

10. *Hội* bao gồm: tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

11. *Gói tài sản* bao gồm từ một đơn vị tài sản đến nhiều đơn vị tài sản.

Điều 3. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

6. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

7. Tài sản khác (bao gồm hàng hóa, dịch vụ) theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công có tính kế thừa phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trước đây; đảm bảo phù hợp với nội dung quy định quản lý tài sản công theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao; việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và thực tế yêu cầu công tác quản lý tài sản nhà nước hiện nay của tỉnh Quảng Bình.

2. Chỉ phân cấp đối với những nội dung mà Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các Nghị định có liên quan quy định phải phân cấp, bao gồm các nội dung: thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, mất, hủy hoại tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Những nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công gồm:

a) Xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh;

2. Người đứng đầu các cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) đối với tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản cho đơn vị mình và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/gói tài sản của các cơ quan trực thuộc.

3. Người đứng đầu các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) cho các cơ quan cấp huyện.

5. Người đứng đầu các cơ quan cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản cho cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản cho đơn vị mình;

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản cho các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản cho đơn vị mình.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản cho cơ quan cấp huyện.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản cho đơn vị mình.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công gồm:

a) Trụ sở làm việc được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp huyện.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản gắn liền với đất; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các cơ quan cấp tỉnh; giữa cơ quan cấp tỉnh với cơ quan trực thuộc cấp tỉnh; giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh với nhau; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản gắn liền với đất; tài sản khác có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan cấp tỉnh; giữa cơ quan cấp tỉnh với cơ quan trực thuộc cấp tỉnh; giữa cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do các cơ quan cấp tỉnh khác nhau quản lý; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh cùng một cơ quan cấp tỉnh quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản giữa các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản do đơn vị quản lý.

b) Tài sản có nguyên giá từ trên 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của các cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở

xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp huyện.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản do đơn vị quản lý;

b) Tài sản có nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan trực thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của cơ quan cấp huyện gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

6. Người đứng đầu cơ quan cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 và điểm a Khoản 5 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh;

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan cấp huyện.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất (trong trường hợp bị hủy hoại) của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh;

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh và cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Tài sản có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan cấp tỉnh;

b) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản

trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan trực thuộc cấp tỉnh do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan cấp huyện.

Mục 2

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị mình.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản công có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 gói tài sản cho đơn vị mình.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản cho đơn vị mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quyết định thuê tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc và tài sản gắn liền với đất; tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh với đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 điều này) giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi

quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh với đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản gắn liền với đất có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản giữa các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) giữa các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

5. Trường hợp điều chuyển tài sản từ đơn vị sự nghiệp sang cơ quan nhà nước thì thực hiện theo phân cấp như quy định từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/gói tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cơ quan cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở

xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản;

b) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính

4. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan cấp tỉnh.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản do đơn vị quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Xe ô tô;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (trong trường hợp bị hủy hoại)

c) Các tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a, b Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của các đơn vị sự nghiệp công

lập trực thuộc cơ quan cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

Mục 3

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 21. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội đặc thù mà người đứng đầu thuộc biên chế được cấp có thẩm quyền giao

Việc phân cấp quản lý tài sản công thực hiện như Mục 1 Chương II Quy định này.

Điều 22. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội đặc thù mà người đứng đầu không thuộc biên chế được cấp có thẩm quyền giao

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công đối với Hội cấp tỉnh như sau:

a) Mua sắm, thuê tài sản gồm:

- Trụ sở làm việc;
- Tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản

b) Bán tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

c) Thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

d) Điều chuyển tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản giữa các Hội cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

đ) Thu hồi tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

e) Tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công gồm:

- Trụ sở làm việc;
- Tài sản khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công đối với Hội cấp tỉnh như sau:

a) Thanh lý tài sản công có nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản.

b) Điều chuyển tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng /01 gói tài sản giữa các Hội cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

c) Thu hồi; tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản (trừ trụ sở làm việc).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công của các Hội cấp huyện như sau:

a) Mua sắm, thuê tài sản gồm:

- Trụ sở làm việc;

- Tài sản khác có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản

b) Thanh lý, bán tài sản công (trừ bán trụ sở làm việc) có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản.

c) Điều chuyển tài sản công giữa các Hội cấp huyện

d) Thu hồi (trừ trụ sở làm việc); tiêu hủy; xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công.

4. Người đứng đầu Hội quyết định xử lý tài sản công do đơn vị quản lý:

a) Mua sắm, thuê tài sản (trừ trụ sở làm việc) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản;

b) Thanh lý, bán tài sản công (trừ trụ sở làm việc) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản.

Điều 23. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các Hội khác

Việc phân cấp quản lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 22 mục 3 Chương II Quy định này và các quy định khác của pháp luật về Hội.

Mục 4

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 24. Thẩm quyền quyết định cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất, mặt nước của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất, mặt nước có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá trên 100 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ điểm a Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở xuống/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp huyện.

Mục 5

**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG CỦA
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

Điều 30. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản công của dự án sử dụng vốn Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của thị xã, huyện, thành phố; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của cơ quan tài chính cùng cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Mục 6**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP
QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN****Điều 31. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) gồm:

- Tài sản chuyển giao về địa phương nhưng chưa xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

- Tài sản chuyển giao về địa phương đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý và sử dụng là bất động sản, xe ô tô, tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/1gói tài sản.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyên giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý và sử dụng là tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/1gói tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận; di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 32. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (nếu được ủy quyền) ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (nếu được ủy quyền) ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định tịch thu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) do cơ quan, người có thẩm quyền trên địa bàn cấp huyện ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh chuyển giao có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh chuyển giao (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện chuyển giao (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người nhận thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và d Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) đối với tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện việc phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo theo đúng quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc văn bản cấp trên có thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.